

Số: 15420 /BTC-CST

Hà Nội, ngày 25 tháng 10 năm 2016

V/v chính sách thuế, phí, lệ phí và các khoản thu NSNN khác áp dụng đối với khu kinh tế cửa khẩu

Kính gửi:

- Cục Thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Cục Hải quan các tỉnh, thành phố.

Trong thời gian qua, Bộ Tài chính nhận được phản ánh vướng mắc về chính sách tài chính áp dụng đối với khu kinh tế cửa khẩu theo quy định của Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 được Quốc hội khoá XIII thông qua ngày 06/4/2016 (Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13) kể từ ngày 01/9/2016 (ngày Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 có hiệu lực thi hành). Về vấn đề này, Bộ Tài chính có ý kiến như sau:

1. Xác định việc áp dụng chính sách tài chính đối với các khu thuộc khu kinh tế cửa khẩu không đảm bảo quy định về khu phi thuế quan theo quy định của Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13

- Điều 3 Quyết định số 72/2013/QĐ-TTg ngày 26/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ quy định cơ chế, chính sách tài chính đối với khu kinh tế cửa khẩu (Quyết định số 72/2013/QĐ-TTg) quy định:

“1. Khu kinh tế cửa khẩu là khu kinh tế được hình thành ở khu vực biên giới đất liền có cửa khẩu quốc tế hoặc cửa khẩu chính, cửa khẩu song phương và được thành lập theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, bao gồm cả khu kinh tế - thương mại đặc biệt Lao Bảo, tỉnh Quảng Trị và khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Cầu Treo, tỉnh Hà Tĩnh.

2. Khu phi thuế quan thuộc khu kinh tế cửa khẩu là khu vực địa lý có ranh giới xác định, được ngăn cách với lãnh thổ bên ngoài bằng hàng rào cứng (trừ khu kinh tế - thương mại đặc biệt Lao Bảo, tỉnh Quảng Trị và khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Cầu Treo, tỉnh Hà Tĩnh), có cổng và cửa ra vào bảo đảm điều kiện cho sự kiểm soát của cơ quan Hải quan và các cơ quan chức năng có liên quan, có cơ quan Hải quan giám sát, kiểm tra hàng hóa và phương tiện ra vào khu.

Khu phi thuế quan thuộc khu kinh tế cửa khẩu bao gồm: khu kinh tế thương mại đặc biệt, khu thương mại công nghiệp, khu thương mại tự do và các khu có tên gọi khác được thành lập theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, có quan hệ mua bán trao đổi hàng hóa, dịch vụ giữa khu này với bên ngoài là quan hệ xuất khẩu, nhập khẩu.”

- Khoản 1 Điều 4 Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 quy định: *“Khu phi thuế quan là khu vực kinh tế nằm trong lãnh thổ Việt Nam, được thành lập theo quy định của pháp luật, có ranh giới địa lý xác định, ngăn cách với khu vực bên ngoài bằng hàng rào cứng, bảo đảm điều kiện cho hoạt động kiểm tra,*

giám sát, kiểm soát hải quan của cơ quan hải quan và các cơ quan có liên quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu và phương tiện, hành khách xuất cảnh, nhập cảnh; quan hệ mua bán, trao đổi hàng hóa giữa khu phi thuế quan với bên ngoài là quan hệ xuất khẩu, nhập khẩu”.

- Khoản 2 Điều 56 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 quy định: “Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật có quy định khác nhau về cùng một vấn đề thì áp dụng văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn”.

Căn cứ quy định nêu trên, khu kinh tế - thương mại đặc biệt Lao Bảo, tỉnh Quảng Trị; khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Cầu Treo, tỉnh Hà Tĩnh và các khu có tên gọi khác được thành lập theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ không đảm bảo quy định về khu phi thuế quan theo quy định tại khoản 1 Điều 4 của Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 (không được ngăn cách với khu vực bên ngoài bằng hàng rào cứng) nên không áp dụng chính sách thuế đối với khu phi thuế quan thuộc khu kinh tế cửa khẩu theo Quyết định số 72/2013/QĐ-TTg và Thông tư số 109/2014/TT-BTC kể từ ngày 01/9/2016 trở đi mà áp dụng chính sách tài chính đối với Khu kinh tế cửa khẩu theo quy định của pháp luật thuế hiện hành.

2. Chính sách thuế, phí, lệ phí, thu khác và chính sách bán hàng miễn thuế cho khách tham quan du lịch đối với khu thuộc khu kinh tế cửa khẩu không đảm bảo quy định về khu phi thuế quan.

2.1. Về ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp

Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp đối với doanh nghiệp hoạt động trong khu kinh tế cửa khẩu thực hiện theo quy định tại Điều 8 Quyết định số 72/2013/QĐ-TTg và hướng dẫn tại Điều 2 Thông tư số 109/2014/TT-BTC ngày 15/8/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Quyết định số 72/2013/QĐ-TTg (Thông tư số 109/2014/TT-BTC).

2.2. Về ưu đãi thuế thu nhập cá nhân

Ưu đãi về thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân làm việc tại khu kinh tế cửa khẩu thực hiện theo Thông tư số 128/2014/TT-BTC ngày 05/9/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc giảm thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân làm việc tại khu kinh tế.

2.3. Về thuế giá trị gia tăng (GTGT)

- Không thực hiện chính sách thuế GTGT đối với khu phi thuế quan thuộc khu kinh tế cửa khẩu quy định tại Điều 10 Quyết định số 72/2013/QĐ-TTg và hướng dẫn tại Điều 4 Thông tư số 109/2014/TT-BTC.

- Hàng hóa, dịch vụ nhập khẩu từ nước ngoài vào khu thực hiện chính sách thuế GTGT đối với hàng hoá, dịch vụ nhập khẩu theo quy định của Luật thuế GTGT và các văn bản hướng dẫn Luật thuế GTGT hiện hành.

- Hàng hóa, dịch vụ sản xuất và được tiêu thụ trong khu thực hiện theo chính sách thuế GTGT áp dụng cho hàng hoá, dịch vụ được sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng ở Việt Nam theo quy định của Luật thuế GTGT và các văn bản hướng dẫn Luật thuế GTGT hiện hành.

2.4. Về thuế tiêu thụ đặc biệt (TTĐB)

- Không thực hiện chính sách thuế TTĐB đối với khu phi thuế quan thuộc khu kinh tế cửa khẩu quy định tại Điều 11 Quyết định số 72/2013/QĐ-TTg và hướng dẫn Điều 5 Thông tư số 109/2014/TT-BTC.

- Hàng hóa nhập khẩu từ nước ngoài vào khu thực hiện chính sách thuế TTĐB đối với hàng hoá nhập khẩu theo quy định của Luật thuế TTĐB và các văn bản hướng dẫn Luật thuế TTĐB hiện hành.

- Hàng hóa sản xuất và được tiêu thụ trong khu thực hiện chính sách thuế TTĐB áp dụng cho hàng hoá, dịch vụ được sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng ở Việt Nam theo quy định của Luật thuế TTĐB và các văn bản hướng dẫn Luật thuế TTĐB hiện hành.

2.5. Về ưu đãi thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu

a) Không thực hiện chính sách thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu đối với khu phi thuế quan theo quy định tại Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13, theo đó:

- Hàng hóa nhập khẩu từ nước ngoài vào khu thuộc đối tượng chịu thuế nhập khẩu theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13.

- Hàng hóa sản xuất và được tiêu thụ trong khu: được xác định là hàng hóa sản xuất và tiêu thụ nội địa, không thuộc phạm vi điều chỉnh quy định tại Điều 1 Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13.

b) Hàng hóa nhập khẩu để tạo tài sản cố định của dự án đầu tư tại khu kinh tế cửa khẩu được miễn thuế nhập khẩu theo quy định tại khoản 11 Điều 16 Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

c) Nguyên liệu, vật tư, linh kiện trong nước chưa sản xuất được nhập khẩu để sản xuất của dự án đầu tư (*trừ dự án đầu tư khai thác khoáng sản; dự án sản xuất sản phẩm có tổng trị giá tài nguyên, khoáng sản cộng với chi phí năng lượng chiếm từ 51% giá thành sản phẩm trở lên; dự án sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB*) thuộc khu kinh tế cửa khẩu được miễn thuế nhập khẩu trong thời hạn 05 năm, kể từ khi bắt đầu sản xuất theo quy định tại khoản 13 Điều 16 Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

2.6. Về ưu đãi tiền thuê đất, thuê mặt nước và tiền sử dụng đất

Ưu đãi tiền thuê đất, thuê mặt nước và tiền sử dụng đất đối với dự án đầu tư trong khu kinh tế cửa khẩu: Thực hiện theo quy định của pháp luật về thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất và thuê mặt nước hiện hành.

2.7. Về chính sách phí, lệ phí, tiền sử dụng hạ tầng, phí sử dụng các công trình kết cấu hạ tầng trong khu kinh tế cửa khẩu

Thực hiện theo quy định tại Điều 15, Điều 16 Quyết định số 72/2013/QĐ-TTg và hướng dẫn tại Điều 8, Điều 9, Điều 10 Thông tư số 109/2014/TT-BTC. Kể từ ngày 01/01/2017 trở đi, các khoản phí, lệ phí quy định tại Quyết định 72/2013/QĐ-TTg được thực hiện theo quy định của Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

2.8. Về bán hàng miễn thuế cho khách tham quan du lịch khu thuộc khu kinh tế cửa khẩu không đảm bảo quy định về khu phi thuế quan.

Không thực hiện chính sách miễn thuế cho khách tham quan du lịch khu phi thuế quan quy định tại khoản 5 Điều 20 Quyết định số 72/2013/QĐ-TTg và hướng dẫn tại Điều 11 Thông tư số 109/2014/TT-BTC.

2.9. Cơ quan hải quan tổ chức thực hiện pháp luật về thuế, hải quan đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu vào khu thuộc khu kinh tế cửa khẩu không đảm bảo quy định về khu phi thuế quan theo quy định hiện hành. Đối với hàng hoá nhập khẩu trước ngày 01/9/2016 đã được miễn thuế nhập khẩu, không chịu thuế GTGT (nếu có) theo quy định, cơ quan hải quan kiểm tra chứng từ, sổ sách liên quan đến việc mua, bán, nhập-xuất-tồn, kiểm kê thu thuế hàng hoá tồn kho từ ngày 01/9/2016 theo quy định.

2.10. Cơ quan thuế tổ chức thực hiện pháp luật về thuế tại khu thuộc khu kinh tế cửa khẩu không đảm bảo quy định về khu phi thuế quan theo quy định hiện hành đối với tổ chức, cá nhân trong nội địa. Đối với hàng hoá đưa từ nội địa vào hai khu này mà áp dụng thuế suất thuế GTGT là 0% (nếu có) trước ngày 01/9/2016 hiện còn tồn kho chưa bán ra, khi bán ra thực hiện nộp thuế theo quy định hiện hành đối với hàng hoá kinh doanh, tiêu thụ trong nước.

3. Một số nội dung quy định về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu tại Quyết định số 72/2013/QĐ-TTg không còn phù hợp với quy định của Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13:

- Hàng hóa sản xuất, gia công, tái chế, lắp ráp tại khu phi thuế quan thuộc khu kinh tế cửa khẩu khi xuất khẩu ra nước ngoài được miễn thuế xuất khẩu theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Quyết định số 72/2013/QĐ-TTg: từ ngày 01/9/2016 trở đi không thuộc đối tượng chịu thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu theo quy định tại điểm c khoản 4 Điều 2 Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13.

- Hàng hóa là vật liệu xây dựng từ nội địa Việt Nam hoặc từ các khu chức năng khác trong khu kinh tế cửa khẩu đưa vào khu phi thuế quan thuộc khu kinh tế cửa khẩu để xây dựng, sửa chữa và bảo dưỡng kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội chung trong khu phi thuế quan được miễn thuế xuất khẩu theo quy định tại khoản 4 Điều 12 Quyết định số 72/2013/QĐ-TTg: từ 01/9/2016 trở đi thuộc đối tượng chịu thuế xuất khẩu theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13.

- Hàng hóa sản xuất, gia công, tái chế, lắp ráp tại khu phi thuế quan không sử dụng nguyên liệu, linh kiện nhập khẩu từ nước ngoài khi nhập khẩu vào thị trường trong nước có sử dụng nguyên liệu, linh kiện nhập khẩu từ nước ngoài thì khi nhập khẩu vào nội địa Việt Nam thuộc đối tượng chịu thuế nhập khẩu theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13, việc xác định thuế nhập khẩu phải nộp trong trường hợp này thực hiện theo quy định khoản 2 Điều 22 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.

4. Bảo đảm ưu đãi đầu tư theo quy định của Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập

khẩu số 107/2016/QH13

Khoản 1 Điều 21 về điều khoản chuyển tiếp của Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 quy định như sau: “Dự án đang được hưởng ưu đãi về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu có mức ưu đãi cao hơn mức ưu đãi quy định tại Luật này thì tiếp tục thực hiện theo mức ưu đãi đó cho thời gian hưởng ưu đãi còn lại của dự án; trường hợp mức ưu đãi về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu thấp hơn mức ưu đãi hoặc chưa được hưởng ưu đãi về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu quy định tại Luật này thì được hưởng mức ưu đãi theo quy định của Luật này cho thời gian hưởng ưu đãi còn lại của dự án”.

Theo đó, đối với các dự án đầu tư tại khu kinh tế cửa khẩu thực hiện trước ngày 01/9/2016 (được cấp giấy phép đầu tư, giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp trước ngày 01/7/2015, dự án đầu tư trong nước có quy mô vốn đầu tư dưới 15 tỷ đồng thực hiện trước ngày 01/7/2015, dự án được cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc văn bản quyết định chủ trương đầu tư, dự án đầu tư không phải thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo quy định tại khoản 2 Điều 36 Luật Đầu tư số 67/2014/QH13) được tiếp tục thực hiện ưu đãi về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu theo Quyết định số 72/2013/QĐ-TTg cho thời gian hưởng ưu đãi còn lại của dự án nếu dự án đang được hưởng ưu đãi về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu có mức ưu đãi cao hơn mức ưu đãi quy định tại Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13.

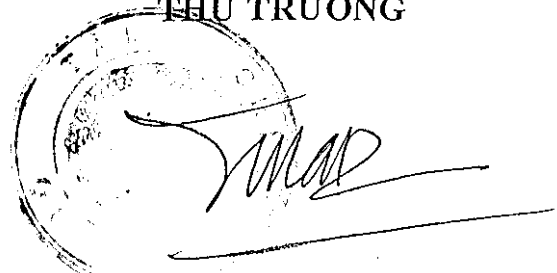
5. Trường hợp các văn bản qui phạm pháp luật được trích dẫn tại công văn này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

6. Bộ Tài chính có ý kiến đề các cơ quan, đơn vị được biết, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân liên quan thực hiện. Trong quá trình thực hiện nếu có phát sinh vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Tài chính để được hướng dẫn./. ll

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- TCHQ, TCT;
- Cục QLCS;
- Vụ Pháp chế;
- Lưu: VT, CST (PXNK).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Vũ Thị Mai